

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/DS-ST

Ngày: 26-11-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST-DS ngày 13-9-2021, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Cao Tấn Đức – Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hà Thị T1; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai cho ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 1199/2017HĐTD ngày 21-3-2017 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 29-3-2018, số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay, phân kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ vào ngày 29-3-2019, số tiền trả nợ là 200.000.000 đồng. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 03 tháng/lần vào ngày 29 của tháng thứ 3 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990316/HĐTC ngày 18-3-2016 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 29-3-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất

tại thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 26 xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 067082 ngày 20-4-2001 cho ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D trả được tiền lãi đến ngày 21-12-2018 với số tiền là 14.684.933 đồng, sau đó không tiếp tục trả tiền nợ gốc và nợ lãi ntheo thỏa thuận nên từ ngày 30-3-2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Do ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 285.287.671 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 79.972.603 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.315.068 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Đối với đề nghị của ông T và bà D về việc khoan nợ lãi và trả dần trong thời gian 05 năm, Ngân hàng không đồng ý vì thực tế từ cuối năm 2018 đến nay ông T và bà D không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Hà Thị T trình bày: Ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D có vay của Ngân hàng số tiền là 200.000.000 đồng và có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện việc trả nợ như phía Ngân hàng đã trình bày là đúng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vì điều kiện, hoàn cảnh khó khăn nên ông T và bà D chưa thực hiện việc trả nợ đầy đủ theo đúng hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Ông T và bà D đề nghị Ngân hàng khoan nợ lãi cho ông T và bà D, đối với nợ gốc đề nghị Ngân hàng cho ông T, bà D được trả dần trong thời hạn 05 năm cho đến khi hết số tiền nợ.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 1199/2017HĐTD ngày 21-3-2017 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 29-3-2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990316/HĐTC ngày 18-3-2016 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 29-3-2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 067082 ngày 20-4-2001; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Bảng kê tính lãi; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực số 506/NHNo.IGĐGL-KHKD ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ- NHNo –TCTL ngày 17-6-2021; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13-7-2021; 01 Giấy ủy quyền ngày 13-8-2021.

5. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 1199/2017HĐTD ngày 21-3-2017 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 29-3-2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn đề nghị được khoan nợ lãi và trả dần nợ gốc nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 285.287.671 đồng, trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 79.972.603 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.315.068 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D có giao kết các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990316/HĐTC ngày 18-3-2016 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 29-3-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 26 xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 067082 ngày 20-4-2001 cho ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 13-7-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.
- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.
2. Buộc ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1199/2017HĐTD ngày 21-3-2017 kèm theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 29-3-2018 tính đến ngày 26-11-2021 là 285.287.671 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 79.972.603 đồng (bảy mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm không ba đồng), tiền lãi trong hạn là 5.315.068 đồng (năm triệu ba trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng) và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả hết số tiền nợ.
3. Trong trường hợp ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 990316/HĐTC ngày 18-3-2016 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐTC ngày 29-3-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 28a, tờ bản đồ số 26 xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số T 067082 ngày 20-4-2001 cho ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D.
4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.
5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).
6. Về án phí: Buộc ông Đỗ Công T và bà Nguyễn Thị D phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.264.384 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.604.110 đồng (sáu triệu sáu trăm không bốn nghìn một trăm mười đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0011912 ngày 20-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.
7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính